**Mẫu số 09/PL03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ... - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương... |

...(1)… Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động 6 tháng đầu năm (hoặc năm....) như sau:

Loại hình chủ sở hữu: (2) □ Doanh nghiệp nhà nước □ Doanh nghiệp tư nhân □ Doanh nghiệp FDI

**1. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp cho thuê lại**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đầu kỳ** | **Tăng trong kỳ** | **Giảm trong kỳ** | **Cuối kỳ** | **Số lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc (người)** (3) | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| 1. Tổng số lao động theo hợp đồng lao động của doanh nghiệp, trong đó: |  |  |  |  |  |  |
| a) Số lao động làm việc tại doanh nghiệp cho thuê lại (4), chia ra: |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có HĐLĐ xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| b) Số lao động cho thuê lại, chia ra: |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại dưới 03 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 03 tháng đến dưới 06 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 06 tháng đến 12 tháng |  |  |  |  |  |  |
| 2. Số lao động đang cho thuê lại của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |
| - Trong địa bàn tỉnh |  |  |  |  |  |  |
| - Ngoài địa bàn tỉnh |  |  |  |  |  |  |

**2. Tình hình hoạt động cho thuê lại lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc cho thuê lại** (5) | **Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động** (6) | | **Số lao động thuê lại (người)** | | **Số lao động theo thời hạn cho thuê lại lao động (người)** | | | **Các chế độ của người lao động thuê lại** | | | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tỉnh | Ngoài địa bàn tỉnh | Trong địa bàn tỉnh | Ngoài địa bàn tỉnh | Dưới 6 tháng | Từ 6 - 12 tháng | Khác | Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng) | Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | Chế độ phúc lợi |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP** (8) *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên** |

***Ghi chú:***

*(1) Tên doanh nghiệp thực hiện báo cáo.*

*(2) Đánh dấu x vào ô tương ứng với loại hình chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện báo cáo.*

*(3) Số lao động được tham gia bảo hiểm bắt buộc: bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.*

*(4) Số lao động cho thuê và các loại lao động khác*

*(5) Liệt kê công việc cho thuê lại lao động.*

*(6) Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động để thực hiện công việc đã liệt kê tại cột II.*

*(7) Tên các loại phúc lợi mà người lao động thuê lại được hưởng, ví dụ: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm xã hội tự nguyện, tiền lễ, tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, các loại dịch vụ người lao động thuê lại được hưởng.....*

*(8) Chức danh người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.*